

Phụ lục 1

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH KHÁNH HÒA
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SNNMT ngày /10/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa)

| STT | Tên thủ tục hành chính | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|--|
| 1 | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (Mã số TTHC: 2.001827) | Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025; Quyết định số 1328/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa. |
| 2 | Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Mã hồ sơ TTHC: 2.001730) | -Nhu trên- |
| 3 | Sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Mã hồ sơ TTHC: 2.001726) | |
| 4 | Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước (Mã hồ sơ TTHC: 1.003111) | -Nhu trên- |
| 5 | Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005 (Mã hồ sơ TTHC: 1.003082) | -Nhu trên- |
| 6 | Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước (Mã hồ sơ TTHC: 1.003058) | -Nhu trên- |
| 7 | Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước (Mã hồ sơ TTHC: 2.001254) | -Nhu trên- |
| 8 | Miễn kiểm tra giám sát cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm (Mã hồ sơ TTHC: 1.002996) | -Nhu trên- |

Phụ lục 2**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG***(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SNNMT ngày /10/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa)***1. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (Mã số TTHC: 2.001827)**

| Trình tự công việc | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện (ngày làm việc) |
|---------------------------|---|--|--|
| Bước 1 | Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Tiếp nhận hồ sơ trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định thì tiếp nhận và chuyển sang bước 2. | 0,25 ngày |
| Bước 2 | Lãnh đạo phòng, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường | Phân công thẩm định hồ sơ | 0,5 ngày |
| Bước 3 | Chuyên viên phòng, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường | - Thẩm định và xử lý hồ sơ TTHC - Dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình lãnh đạo Phòng, đơn vị xem xét. | 11,25 ngày |
| Bước 4 | Lãnh đạo phòng, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường | Xem xét, thông qua dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường. | 0,5 ngày |
| Bước 5 | Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường | Xem xét, ký duyệt kết quả giải quyết TTHC. | 1,5 ngày |
| Bước 6 | Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường | Phát hành văn bản do Lãnh đạo Sở ký phê duyệt, Chuyển | 01 ngày |

| | | | |
|---------------------------------|--|--|-------------------------|
| | | kết quả cho Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh | |
| Bước 7 | Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh | Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân | |
| Tổng thời gian thực hiện | | | 15 ngày làm việc |

2. Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Mã hồ sơ TTHC: 2.001730)

| Trình tự công việc | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện (ngày làm việc) |
|---------------------------|---|--|--|
| Bước 1 | Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Tiếp nhận hồ sơ trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định thì tiếp nhận và chuyển sang bước 2. | 0,25 ngày |
| Bước 2 | Lãnh đạo phòng, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường | Phân công thẩm định hồ sơ | 0,25 ngày |
| Bước 3 | Chuyên viên phòng, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường | Tổ chức kiểm tra hồ sơ (có thể tiến hành kiểm tra tại nơi sản xuất trường hợp nhận thấy việc kiểm tra trên hồ sơ là chưa đủ căn cứ để cấp CFS hoặc phát hiện có dấu hiệu vi phạm quy định đối với CFS), dự thảo văn bản xử lý hồ sơ | 1,5 ngày |
| Bước 4 | Lãnh đạo phòng, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường | Xem xét, thông qua dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường. | 0,25 ngày |
| Bước 5 | Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường | Xem xét, ký duyệt văn bản giải quyết TTHC. | 0,5 ngày |

| | | | |
|---------------------------------|--|--|-------------------------|
| Bước 5 | Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường | Phát hành văn bản do Lãnh đạo Sở ký phê duyệt, chuyển kết quả cho Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh | 0,25 ngày |
| Bước 6 | Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh | Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân | |
| Tổng thời gian thực hiện | | | 03 ngày làm việc |

3. Thủ tục sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Mã hồ sơ TTHC: 2.001726)

| Trình tự công việc | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện (ngày làm việc) |
|---------------------------|---|--|--|
| Bước 1 | Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Tiếp nhận hồ sơ trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định thì tiếp nhận và chuyển sang bước 2. | 0,25 ngày |
| Bước 2 | Lãnh đạo phòng, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường | Phân công thẩm định hồ sơ | 0,25 ngày |
| Bước 3 | Chuyên viên phòng, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường | Tổ chức kiểm tra hồ sơ (có thể tiến hành kiểm tra tại nơi sản xuất trường hợp nhận thấy việc kiểm tra trên hồ sơ là chưa đủ căn cứ để cấp CFS hoặc phát hiện có dấu hiệu vi phạm quy định đối với CFS), dự thảo văn bản xử lý hồ sơ | 1,5 ngày |
| Bước 4 | Lãnh đạo phòng, đơn vị thuộc Sở Nông | Xem xét, thông qua dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình | 0,25 ngày |

| | | | |
|---------------------------------|--|--|-------------------------|
| | ng nghiệp và Môi trường | lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường. | |
| Bước 5 | Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường | Xem xét, ký duyệt văn bản giải quyết TTHC. | 0,5 ngày |
| Bước 5 | Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường | Phát hành văn bản do Lãnh đạo Sở ký phê duyệt, chuyển kết quả cho Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh | 0,25 ngày |
| Bước 6 | Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh | Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân | |
| Tổng thời gian thực hiện | | | 03 ngày làm việc |

4. Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước (Mã hồ sơ TTHC: 1.003111)

| Trình tự công việc | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện (ngày làm việc) |
|---------------------------|---|---|--|
| Bước 1 | Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Tiếp nhận hồ sơ trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản và chuyển cho phòng/đơn vị thuộc Sở xử lý (thông qua nhân viên bưu điện). | 0,5 ngày |
| Bước 2 | Lãnh đạo phòng, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường | Phân công thẩm định hồ sơ | 01 ngày |

| | | | |
|---------------------------------|---|---|---|
| Bước 3 | Phòng, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường | Tiến hành soát xét hồ sơ. Nếu có yêu cầu sửa đổi, bổ sung phải có văn bản thông báo cho đơn vị nộp hồ sơ để hoàn chỉnh hồ sơ theo đúng quy định. Ban hành Quyết định thành lập đoàn đánh giá tại cơ sở kiểm nghiệm sau khi hồ sơ hợp lệ. | 09 ngày |
| Bước 4 | Đoàn đánh giá | Thực hiện đánh giá thực tế tại cơ sở kiểm nghiệm. Dự thảo kết luận của Đoàn đánh giá trình lãnh đạo | 14 ngày |
| Bước 5 | Trưởng đoàn đánh giá | Báo cáo kết quả đánh giá (Mẫu Biên bản đánh giá cơ sở kiểm nghiệm theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT). | 05 ngày (<i>kể từ ngày kết thúc đánh giá tại cơ sở</i>) |
| Bước 6 | Lãnh đạo phòng, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường | Xem xét báo cáo kết quả đánh giá của Trưởng đoàn đánh giá, trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường. | 01 ngày |
| Bước 7 | Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường | Xem xét, ký duyệt văn bản giải quyết TTHC. | 04 ngày |
| Bước 8 | Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường | Phát hành văn bản do Lãnh đạo Sở ký phê duyệt, chuyên kết quả cho Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh | 0,5 ngày |
| Bước 9 | Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh | Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân | |
| Tổng thời gian thực hiện | | | 35 ngày làm việc |

5. Thủ tục Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005 (Mã hồ sơ TTHC: 1.003082)

| Trình tự công việc | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện (ngày làm việc) |
|---------------------------|---|--|--|
| Bước 1 | Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Tiếp nhận hồ sơ trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản và chuyển cho phòng/đơn vị thuộc Sở xử lý (thông qua nhân viên bưu điện) | 0,5 ngày |
| Bước 2 | Lãnh đạo phòng, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường | Phân công thẩm định hồ sơ | 0,5 ngày |
| Bước 3 | Chuyên viên phòng, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường | - Tiến hành soát xét hồ sơ. Nếu có yêu cầu sửa đổi, bổ sung phải có văn bản thông báo cho đơn vị nộp hồ sơ để hoàn chỉnh hồ sơ theo đúng quy định. - Dự thảo Quyết định chỉ định cơ sở kiểm nghiệm hoặc Thông báo không đạt yêu cầu. | 25,5 ngày |
| Bước 4 | Lãnh đạo phòng, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường | Xem xét, thông qua dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường. | 01 ngày |
| Bước 5 | Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường | Xem xét, ký duyệt văn bản giải quyết TTHC. | 02 ngày |
| Bước 6 | Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường | Phát hành văn bản do Lãnh đạo Sở ký phê duyệt, chuyển kết quả cho Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh | 0,5 ngày |
| Bước 7 | Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh | Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân | |
| | Tổng thời gian thực hiện | | 30 ngày làm việc |

6. Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước (Mã hồ sơ TTHC: 1.003058)

| Trình tự công việc | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện (ngày làm việc) |
|--------------------|---|---|--|
| Bước 1 | Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Tiếp nhận hồ sơ trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản và chuyển cho phòng/đơn vị thuộc Sở xử lý (thông qua nhân viên bưu điện). | 0,5 ngày |
| Bước 2 | Lãnh đạo phòng, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường | Phân công thẩm định hồ sơ | 1 ngày |
| Bước 3 | Phòng, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường | Tiến hành soát xét hồ sơ. Nếu có yêu cầu sửa đổi, bổ sung phải có văn bản thông báo cho đơn vị nộp hồ sơ để hoàn chỉnh hồ sơ theo đúng quy định. Ban hành Quyết định thành lập đoàn đánh giá tại cơ sở kiểm nghiệm sau khi hồ sơ hợp lệ. | 09 ngày |
| Bước 4 | Đoàn đánh giá | Thực hiện đánh giá thực tế tại cơ sở kiểm nghiệm. Dự thảo kết luận của Đoàn đánh giá trình lãnh đạo | 14 ngày |
| Bước 5 | Trưởng đoàn đánh giá | Báo cáo kết quả đánh giá (Mẫu Biên bản đánh giá cơ sở kiểm nghiệm theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT). | 05 ngày (kể từ ngày kết thúc đánh giá tại cơ sở) |

| | | | |
|---------------------------------|---|--|-------------------------|
| Bước 6 | Lãnh đạo phòng, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường | Xem xét báo cáo kết quả đánh giá của Trưởng đoàn đánh giá, trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường. | 01 ngày |
| Bước 7 | Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường | Xem xét, ký duyệt văn bản giải quyết TTHC. | 04 ngày |
| Bước 8 | Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường | Phát hành văn bản do Lãnh đạo Sở ký phê duyệt, chuyển kết quả cho Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh | 0,5 ngày |
| Bước 9 | Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh | Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân | |
| Tổng thời gian thực hiện | | | 35 ngày làm việc |

7. Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước (Mã hồ sơ TTHC: 2.001254)

| Trình tự công việc | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện (ngày làm việc) |
|--------------------|---|--|-------------------------------------|
| Bước 1 | Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Tiếp nhận hồ sơ trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản và chuyển cho phòng/đơn vị trực thuộc Sở xử lý (thông qua nhân viên bưu điện). | 0,5 ngày |
| Bước 2 | Lãnh đạo phòng, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường | Phân công thẩm định hồ sơ | 1 ngày |

| | | | |
|---------------------------------|--|---|---|
| Bước 3 | Phòng, đơn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường | Tiến hành soát xét hồ sơ. Nếu có yêu cầu sửa đổi, bổ sung phải có văn bản thông báo cho đơn vị nộp hồ sơ để hoàn chỉnh hồ sơ theo đúng quy định. Ban hành Quyết định thành lập đoàn đánh giá tại cơ sở kiểm nghiệm sau khi hồ sơ hợp lệ. | 09 ngày |
| Bước 4 | Đoàn đánh giá | Thực hiện đánh giá thực tế tại cơ sở kiểm nghiệm. Dự thảo kết luận của Đoàn đánh giá trình lãnh đạo | 14 ngày |
| Bước 5 | Trưởng đoàn đánh giá | Báo cáo kết quả đánh giá (Mẫu Biên bản đánh giá cơ sở kiểm nghiệm theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT). | 05 ngày (<i>kể từ ngày kết thúc đánh giá tại cơ sở</i>) |
| Bước 6 | Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường | Xem xét báo cáo kết quả đánh giá của Trưởng đoàn đánh giá, trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường. | 1 ngày |
| Bước 7 | Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường | Xem xét, ký duyệt văn bản giải quyết TTHC. | 4 ngày |
| Bước 8 | Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường | Phát hành văn bản do Lãnh đạo Sở ký phê duyệt, chuyển kết quả cho Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh | 0,5 ngày |
| Bước 9 | Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh | Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân | |
| Tổng thời gian thực hiện | | | 35 ngày làm việc |

8. Miễn kiểm tra giám sát cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm (Mã hồ sơ TTHC: 1.002996)

| Trình tự công việc | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện (ngày làm việc) |
|---------------------------------|---|--|--|
| Bước 1 | Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển cho phòng/đơn vị xử lý (thông qua nhân viên bưu điện). | 0,25 ngày |
| Bước 2 | Lãnh đạo phòng, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường | Phân công thẩm định hồ sơ | 0,25 ngày |
| Bước 3 | Chuyên viên phòng, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường | Tiến hành soát xét, thẩm định hồ sơ. Dự thảo văn bản trả lời kết quả | 3 ngày |
| Bước 4 | Lãnh đạo phòng, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường | Xem xét, thông qua dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường. | 0,5 ngày |
| Bước 5 | Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường | Xem xét, ký duyệt văn bản giải quyết TTHC. | 0,5 ngày |
| Bước 6 | Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường | Phát hành văn bản do Lãnh đạo Sở ký phê duyệt, chuyển kết quả cho Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh | 0,5 ngày |
| Bước 7 | Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh | Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân | |
| Tổng thời gian thực hiện | | | 05 ngày làm việc |